

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2021/12/21	New production	DVB-0628	Dang Dinh Tuan	Nguyen Van Thao	Ha Ngoc Tien	$0.5 \leq, \leq 6$	$\pm 0.1$
△							$6 <, \leq 30$	$\pm 0.2$
△							$30 <, \leq 120$	$\pm 0.3$
△							$120 <, \leq 400$	$\pm 0.5$

TOLERANCES NOT OTHERWISE  
SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

FINISH MARKS

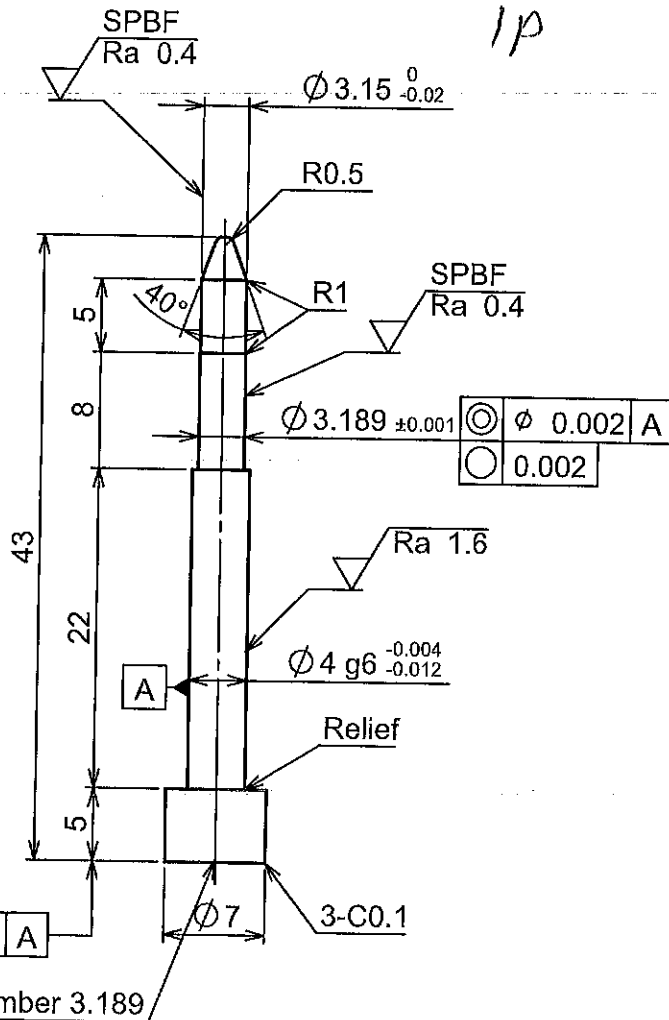
$\sqrt{Ra\ 3.2}$  ( $\sqrt{Ra\ 1.6}$   $\sqrt{Ra\ 0.4}$ ) SPBF

出図

製作・検収用図面  
検収完了後要廃棄  
2023-06-13

VDM 生産支援課

Unspecified  
Corner C0.1



S CHUẨN

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Nguyen Phuc Bao	WC(D30)		部品図 PART DRAWING	サイジングピン SIZING PIN
DSGND.	SURFACE	SCALE	DATE	DWG.No.
Ha Ngoc Tien		2:1	2021/12/21	R440059
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE		
Ha Ngoc Tien	HRC °~°	A4		

SNO: **R440059**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
	GR:25 GS1:20 GC:135 GP:60 GS2:20 AF:10 AL:5 KT